| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>XÃ ĐẠI ĐỒNG | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 155/TB-UBND | *Đại Đồng, ngày 13 tháng 08 năm 2026* |

# THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng**

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Quyết định từ số 525/QĐ-UBND đến số 526/QĐ-UBND ngày 08/8/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của của 02 hộ gia đình, cá nhân thôn Xuân Đào, thôn Lương Tài để thực hiện dự án xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng;

UBND xã Đại Đồng niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện để thực hiện dự án xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng từ ngày 13/8/2026.

Địa điểm công khai tại:

- Trụ sở UBND xã Đại Đồng;
- Nhà văn hóa thôn Xuân Đào, xã Đại Đồng (tại nhà văn hóa thôn Đông Trại cũ);
- Nhà văn hoá thôn Lương Tài, xã Đại Đồng (tại nhà văn hóa hóa thôn Lương Tài cũ).

Giao phòng Văn hóa - Xã hội xã Đại Đồng đăng tải trên cổng thông tin điện tử của xã Đại Đồng; Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Đại Đồng và cơ sở thôn Lương Tài, thôn Xuân Đào thông báo rộng rãi trên hệ thống loa truyền thanh của xã, thôn để nhân dân được biết./.

| ***Nơi nhận:***<br>- UBND xã Đại Đồng;<br>- Phòng Văn hóa - Xã hội xã;<br>- Phòng Kinh tế xã;<br>- Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã;<br>- Cơ sở thôn Xuân Đào, thôn Lương Tài;<br>- Lưu: VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**KT. CHỦ TỊCH**<br>**PHÓ CHỦ TỊCH**<br><br>**Trịnh Văn Chương** |
|---|---|



STT: 1

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ ĐẠI ĐỒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 525 /QĐ-UBND | *Đại Đồng, ngày 08 tháng 8 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của các ông (bà): Nguyễn Bá Quán, Khúc Thị Quang, Nguyễn Văn Diệu, Nguyễn Thị Huyền, Vũ Thị Nụ để thực hiện dự án xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp phần quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 23/NQ-HĐND ngày 13/4/2026 về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 06/2026/NQ-HĐND ngày 12/6/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về Bảng giá đất lần đầu công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 30/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 về việc ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai trên địa bàn*

*tỉnh Hưng Yên; số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại đối về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, uỷ quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 32/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;*

*Căn cứ Công văn số 235/UBND-TH ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;*

*Căn cứ Công văn số 669/UBND-KT2 ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc triển khai thực hiện một số nội dung theo Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính Phủ;*

*Căn cứ thông báo số 427/TB-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc chấp thuận cho UBND xã Lương Tài, huyện Văn Lâm làm chủ đầu tư để thực hiện dự án xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở;*

*Căn cứ Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 26/11/2024 của UBND huyện Văn Lâm về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại các thôn Lương Tài, Đông Trại, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;*

*Căn cứ Công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND xã Đại Đồng: số 113/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng; số 177/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 về việc phê duyệt dự án xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng;*

*Căn cứ các Thông báo thu hồi đất từ số 63/TB-UBND đến số 158/TB-UBND ngày 09/6/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng thông báo thu hồi đất để thực hiện để dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng;*

*Căn cứ Thông báo số 123/TB-UBND ngày 13/7/2026 về việc hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện dự án xây dựng khu tái định cư và đấu giá cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình 196/TTr-KT ngày 30/7/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của các ông (bà): Nguyễn Bá Quán, Khúc Thị Quang, Nguyễn Văn Diệu, Nguyễn Thị Huyền, Vũ Thị Nụ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng, bao gồm:

**1** Diện tích đất bồi thường, hỗ trợ: **3.317,0 m²** *(Bằng chữ: Ba nghìn, ba trăm mười bảy mét vuông)* đất, loại đất chuyên trồng lúa (LUC).

**2**. Số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **1.722.270.000 đồng** *(Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm hai mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng).*

*(Có phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết kèm theo)*

- Thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ là 30 ngày kể từ ngày phương án bồi thường, hỗ trợ được Chủ tịch UBND xã Đại Đồng phê duyệt.

- Địa điểm chi trả tiền tại Nhà văn hoá thôn Xuân Đào hoặc trụ sở UBND xã Đại Đồng.

**Điều 2.** Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Văn phòng HĐND-UBND xã chủ trì, phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã thực hiện việc niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND xã Đại Đồng và nhà văn hóa thôn Xuân Đào; giao quyết định này cho các ông (bà): Nguyễn Bá Quán, Khúc Thị Quang, Nguyễn Văn Diệu, Nguyễn Thị Huyền, Vũ Thị Nụ.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã chủ trì, phối hợp với Chủ đầu tư thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi theo quy định.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày người có đất thu hồi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ phải bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thôn tin điện tử của xã Đại Đồng.

**Điều 3**. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã; Các cơ quan đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Tôn Ngọc Chuẩn**

STT: 1

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ VÀ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO NHÂN DÂN LÀM NHÀ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐẠI ĐỒNG, TỈNH HƯNG YÊN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 18 /2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng)*

## I. THÔNG TIN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ THỬA ĐẤT THU HỒI

| STT | Họ tên người có đất thu hồi | Mã định danh cá nhân | Địa chỉ thường trú | Nơi ở hiện tại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Bá Quán | 033042005512 | Thôn Xuân Đào, xã Đại Đồng | Thôn Xuân Đào, xã Đại Đồng | |
| 2 | Khúc Thị Quang | 033140001992 | Thôn Xuân Đào, xã Đại Đồng | Thôn Xuân Đào, xã Đại Đồng | |
| 3 | Nguyễn Văn Diệu | 033083005611 | Thôn Xuân Đào, xã Đại Đồng | Thôn Xuân Đào, xã Đại Đồng | |
| 4 | Nguyễn Thị Huyền | 033179007037 | Thôn Xuân Đào, xã Đại Đồng | Thôn Xuân Đào, xã Đại Đồng | |
| 5 | Vũ Thị Nụ | | | | Đã chết |

- Địa chỉ thửa đất thu hồi: thôn Xuân Đào, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;
- Diện tích đất nông nghiệp thu hồi thực hiện dự án: 3.317,0 m²
- Số nhân khẩu hỗ trợ ổn định đời sống: 5
- Tỷ lệ diện tích thu hồi: 100%

## II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:** 1.689.100.000 đồng

| STT | Bồi thường, hỗ trợ về đất | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) |
|---|---|---|---|---|
| **I. Bồi thường về đất** | | | | |
| 1 | Bồi thường về đất nông nghiệp | 3.317,0m² | 125.000đ/m² | 414.625.000 |
| **II. Các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất** | | | | |
| 1 | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1, Điều 15, Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên (3 lần x 125.000đ/m² =375.000đ/m²) | 3.317,0m² | 375.000đ/m² | 1.243.875.000 |
| 2 | Hỗ trợ ổn định đời sống | | | 36.600.000 |
| **Tổng cộng (I+II):** | | | | 1.689.100.000 |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, tài sản trên đất:** 33.170.000 đồng

| STT | Cây cối tài sản trên đất | Quy cách đặc điểm | Số lượng | Số lượng cây, tài sản trong mật độ | Số lượng cây, tài sản ngoài mật độ | Đơn vị tính | Đơn giá (đồng) | Số tiền trong mật độ (đồng) | Số tiền ngoài mật độ (đồng) | Tỷ lệ BTHT | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| 1 | Lúa | | 3.317,0 | | | $m^2$ | 10.000 | 33.170.000 | | 100% | 33.170.000 | |
| **Tổng tiền:** | | | | | | | | | | | **33.170.000** | |

STT: 2

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>XÃ ĐẠI ĐỒNG | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 526 /QĐ-UBND | *Đại Đồng, ngày 08 tháng 8 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của các ông (bà): Nguyễn Văn Nho, Đặng Thị Hoàn, Nguyễn Văn Sơn, Hoàng Thị Thêu, Nguyễn Thị Yến để thực hiện dự án xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp phần quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 23/NQ-HĐND ngày 13/4/2026 về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 06/2026/NQ-HĐND ngày 12/6/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về Bảng giá đất lần đầu công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 30/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 về việc ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai trên địa bàn*

*tỉnh Hưng Yên; số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại đối về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, uỷ quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 32/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;*

*Căn cứ Công văn số 235/UBND-TH ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;*

*Căn cứ Công văn số 669/UBND-KT2 ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc triển khai thực hiện một số nội dung theo Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính Phủ;*

*Căn cứ thông báo số 427/TB-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc chấp thuận cho UBND xã Lương Tài, huyện Văn Lâm làm chủ đầu tư để thực hiện dự án xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở;*

*Căn cứ Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 26/11/2024 của UBND huyện Văn Lâm về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại các thôn Lương Tài, Đông Trại, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;*

*Căn cứ Công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND xã Đại Đồng: số 113/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng; số 177/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 về việc phê duyệt dự án xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng;*

*Căn cứ các Thông báo thu hồi đất từ số 63/TB-UBND đến số 158/TB-UBND ngày 09/6/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng thông báo thu hồi đất để thực hiện để dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng;*

*Căn cứ Thông báo số 123/TB-UBND ngày 13/7/2026 về việc hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện dự án xây dựng khu tái định cư và đấu giá cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình 196/TTr-KT ngày 30/7/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của các ông (bà): Nguyễn Văn Nho, Đặng Thị Hoàn, Nguyễn Văn Sơn, Hoàng Thị Thêu, Nguyễn Thị Yến để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng, bao gồm:

**1** Diện tích đất bồi thường, hỗ trợ: **2.795,0 m²** *(Bằng chữ: Hai nghìn, bảy trăm chín mươi lăm mét vuông)* đất, loại đất chuyên trồng lúa (LUC).

**2**. Số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **1.894.351.816 đồng** *(Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm chín mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi mốt nghìn, tám trăm mười sáu đồng).*

*(Có phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết kèm theo)*

- Thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ là 30 ngày kể từ ngày phương án bồi thường, hỗ trợ được Chủ tịch UBND xã Đại Đồng phê duyệt.

- Địa điểm chi trả tiền tại Nhà văn hoá thôn Lương Tài hoặc trụ sở UBND xã Đại Đồng.

**Điều 2.** Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Văn phòng HĐND-UBND xã chủ trì, phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã thực hiện việc niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND xã Đại Đồng và nhà văn hóa thôn Lương Tài; giao quyết định này cho các ông (bà): Nguyễn Văn Nho, Đặng Thị Hoàn, Nguyễn Văn Sơn, Hoàng Thị Thêu, Nguyễn Thị Yến.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã chủ trì, phối hợp với Chủ đầu tư thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi theo quy định.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày người có đất thu hồi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ phải bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thôn tin điện tử của xã Đại Đồng.

**Điều 3**. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã; Các cơ quan đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Tôn Ngọc Chuẩn**

# PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ VÀ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO NHÂN DÂN LÀM NHÀ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐẠI ĐỒNG, TỈNH HƯNG YÊN

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 8 /2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng)*

## I. THÔNG TIN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ THỬA ĐẤT THU HỒI

| STT | Họ tên người có đất thu hồi | Mã định danh cá nhân | Địa chỉ thường trú | Nơi ở hiện tại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn Nho | 033057005257 | Thôn Lương Tài, xã Đại Đồng | Thôn Lương Tài, xã Đại Đồng | |
| 2 | Đặng Thị Hoàn | 033158006683 | Thôn Lương Tài, xã Đại Đồng | Thôn Lương Tài, xã Đại Đồng | |
| 3 | Nguyễn Văn Sơn | 033080005453 | Thôn Lương Tài, xã Đại Đồng | Thôn Lương Tài, xã Đại Đồng | |
| 4 | Hoàng Thị Thêu | 033182004459 | Thôn Lương Tài, xã Đại Đồng | Thôn Lương Tài, xã Đại Đồng | |
| 5 | Nguyễn Thị Yến | 033182006341 | Phường Thượng Hồng, tỉnh Hưng Yên | Phường Thượng Hồng, tỉnh Hưng Yên | |

- Địa chỉ thửa đất thu hồi: thôn Lương Tài, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;
- Diện tích đất nông nghiệp thu hồi thực hiện dự án: 2.795,0 m²
- Số nhân khẩu hỗ trợ ổn định đời sống: 7
- Tỷ lệ diện tích thu hồi: 100%

## II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:** 1.580.090.000 đồng

| STT | Bồi thường, hỗ trợ về đất | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền (đ) |
|---|---|---|---|---|
| **I. Bồi thường về đất** | | | | |
| 1 | Bồi thường về đất nông nghiệp | 2.795,0m² | 125.000đ/m² | 349.375.000 |
| **II. Các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất** | | | | |
| 1 | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1, Điều 15, Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên (3 lần x 125.000đ/m² =375.000đ/m²) | 2.795,0m² | 375.000đ/m² | 1.048.125.000 |
| 2 | Hỗ trợ ổn định đời sống | | | 42.840.000 |
| 3 | Hỗ trợ khác (chi phí đầu tư cải tạo đất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng) (50.000đ/m²) | 2.795,0m² | 50.000đ/m² | 139.750.000 |
| **Tổng cộng (I+II):** | | | | 1.580.090.000 |

**2. Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, tài sản trên đất:** 314.261.816đồng

| STT | Cây cối tài sản trên đất | Quy cách đặc điểm | Số lượng | Số lượng cây, tài sản trong mật độ | Số lượng cây, tài sản ngoài mật độ | Đơn vị tính | Đơn giá (đồng) | Số tiền trong mật độ (đồng) | Số tiền ngoài mật độ (đồng) | Tỷ lệ BTHT | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| *Thửa 110, tờ 78, diện tích 2.467,0m²* | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Cây nhãn | 20cm ≤ ĐK gốc < 30cm | 1 | 1 | 0 | Cây | 3.850.000 | 3.850.000 | 0 | 100% | 3.850.000 | |
| 2 | Cây nhãn | 12cm ≤ ĐK gốc < 20cm | 8 | 8 | 0 | Cây | 3.750.000 | 30.000.000 | 0 | 100% | 30.000.000 | |
| 3 | Cây nhãn | 7cm ≤ ĐK gốc < 12cm | 4 | 4 | 0 | Cây | 2.700.000 | 10.800.000 | 0 | 100% | 10.800.000 | |
| 4 | Cây nhãn | 5cm ≤ ĐK gốc < 7cm | 66 | 66 | 0 | Cây | 1.125.000 | 165.000.000 | 0 | 100% | 165.000.000 | |
| 5 | Cây nhãn | 2cm ≤ ĐK gốc < 5cm | 199 | 19 | 29 | Cây | 370.000 | 34.200.000 | 15.660.000 | 100% | 49.860.000 | |
| 6 | Cây bưởi | 12cm ≤ ĐK gốc < 20cm | 17 | 0 | 17 | Cây | 2.500.000 | 0 | 10.200.000 | 100% | 10.200.000 | |
| 7 | Cây bưởi | 7cm ≤ ĐK gốc < 12cm | 26 | 0 | 20 | Cây | 1.800.000 | 0 | 9.000.000 | 100% | 9.000.000 | |
| 8 | Cây bưởi | 2cm ≤ ĐK gốc < 7cm | 5 | 0 | 0 | Cây | 1.100.000 | 0 | 0 | 100% | 0 | |
| 9 | Cây mít | 20cm ≤ ĐK gốc < 30cm | 6 | 0 | 0 | Cây | 2.000.000 | 0 | 0 | 100% | 0 | |

| STT | Cây cối tài sản trên đất | Quy cách đặc điểm | Số lượng | Số lượng cây, tài sản trong mật độ | Số lượng cây, tài sản ngoài mật độ | Đơn vị tính | Đơn giá (đồng) | Số tiền trong mật độ (đồng) | Số tiền ngoài mật độ (đồng) | Tỷ lệ BTHT | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Cây mít | 12cm ≤ ĐK gốc < 20cm | 19 | 0 | 0 | Cây | 1.500.000 | 0 | 0 | 100% | 0 | |
| 11 | Cây mít | 7cm ≤ ĐK gốc < 12cm | 16 | 0 | 0 | Cây | 1.000.000 | 0 | 0 | 100% | 0 | |
| 12 | Cây mít | 2cm ≤ ĐK gốc < 7cm | 7 | 0 | 0 | Cây | 500.000 | 0 | 0 | 100% | 0 | |
| 13 | Cây ổi | 12cm ≤ ĐK gốc < 20cm | 5 | 0 | 0 | Cây | 600.000 | 0 | 0 | 100% | 0 | |
| 14 | Cây ổi | 7cm ≤ ĐK gốc < 12cm | 69 | 0 | 0 | Cây | 500.000 | 0 | 0 | 100% | 0 | |
| 15 | Cây ổi | 2cm ≤ ĐK gốc < 7cm | 24 | 0 | 0 | Cây | 200.000 | 0 | 0 | 100% | 0 | |
| 16 | Cây hồng xiêm | 7cm ≤ ĐK gốc < 12cm | 1 | 0 | 0 | Cây | 500.000 | 0 | 0 | 100% | 0 | |
| 17 | Cây hồng xiêm | 2cm ≤ ĐK gốc < 7cm | 22 | 0 | 0 | Cây | 230.000 | 0 | 0 | 100% | 0 | |
| 18 | Cây na | 7cm ≤ ĐK gốc < 12cm | 7 | 0 | 0 | Cây | 500.000 | 0 | 0 | 100% | 0 | |
| 19 | Cây sưa | 7cm ≤ ĐK gốc < 12cm | 1 | 0 | 0 | Cây | 400.000 | 0 | 0 | 100% | 0 | |
| 20 | Cây sưa | 5cm ≤ ĐK gốc < 7cm | 1 | 0 | 0 | Cây | 230.000 | 0 | 0 | 100% | 0 | |
| 21 | Cây chanh | 2cm ≤ ĐK gốc < 7cm | 6 | 0 | 0 | Cây | 200.000 | 0 | 0 | 100% | 0 | |

| STT | Cây cối tài sản trên đất | Quy cách đặc điểm | Số lượng | Số lượng cây, tài sản trong mật độ | Số lượng cây, tài sản ngoài mật độ | Đơn vị tính | Đơn giá (đồng) | Số tiền trong mật độ (đồng) | Số tiền ngoài mật độ (đồng) | Tỷ lệ BTHT | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 22 | Cây chuối | ĐK gốc < 10cm | 5 | 0 | 0 | Khóm | 200.000 | 0 | 0 | 100% | 0 | |
| 23 | Cây chuối | Đk gốc ≥ 10cm | 8 | 0 | 0 | Khóm | 150.000 | 0 | 0 | 100% | 0 | |
| 24 | Rau cải | | 83.2 | 0 | 0 | $m^2$ | 20.000 | 0 | 0 | 100% | 0 | |
| 25 | Cà chua | | 83.2 | 83.2 | 0 | $m^2$ | 24.000 | 1.996.800 | 0 | 100% | 1.996.800 | |
| 26 | Cây lá dong | | 15 | 0 | 0 | $m^2$ | 12.500 | 0 | 0 | 100% | 0 | |
| 27 | Ống thoát nước PVC | | 70 | | | m | 12.800 | | | 10,0% | 89.600 | |
| 28 | Hàng rào B40 có khung cao 1.2m dài 210m | | 252 | | | $m^2$ | 176.800 | | | 10,0% | 4.455.360 | |
| 29 | Cọc bê tông làm giàn (rộng 3m2) KT: 12x12x180 - 14 cột | | 25.2 | | | m | 171.105 | | | 10,0% | 431.185 | |
| *Thửa 162, tờ 78, diện tích 328,0 $m^2$* | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Cây đào | ĐK gốc từ 10cm trở lên | 6 | 6 | 0 | Cây | 400.000 | 2.400.000 | 0 | 100% | 2.400.000 | |
| 2 | Cây đào | 7cm ≤ ĐK gốc < 10cm | 14 | 14 | 0 | Cây | 350.000 | 4.900.000 | 0 | 100% | 4.900.000 | |

| STT | Cây cối tài sản trên đất | Quy cách đặc điểm | Số lượng | Số lượng cây, tài sản trong mật độ | Số lượng cây, tài sản ngoài mật độ | Đơn vị tính | Đơn giá (đồng) | Số tiền trong mật độ (đồng) | Số tiền ngoài mật độ (đồng) | Tỷ lệ BTHT | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Cây đào | 5cm ≤ ĐK gốc < 7cm | 56 | 45 | 11 | Cây | 320.000 | 14.400.000 | 1.760.000 | 100% | 16.160.000 | |
| 4 | Cây đào | 2cm ≤ ĐK gốc < 5cm | 104 | 0 | 8 | Cây | 300.000 | 0 | 1.200.000 | 100% | 1.200.000 | |
| 5 | Tường xây gạch chỉ 220 chắn đất, đổ tường cao 0.5m | | 19.388 | | | $m^3$ | | | | 10,0% | 3.918.872 | |
| **Tổng tiền:** | | | | | | | | | | | **314.261.816** | |